

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/TT-BTP

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng***Căn cứ Luật công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;**Căn cứ Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;**Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;**Căn cứ Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp;**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về tập sự hành nghề công chứng, quản lý tập sự hành nghề công chứng, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng.

2. Thông tư này áp dụng đối với người tập sự hành nghề công chứng, công chứng viên hướng dẫn tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên, cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Trách nhiệm quản lý việc tập sự hành nghề công chứng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về công chứng thực hiện quản lý nhà nước về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật công chứng, Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng (sau đây gọi là Nghị định số 04/2013/NĐ-CP) và quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện giám sát việc tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này.

Chương II **TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

Điều 3. Người đăng ký tập sự hành nghề công chứng

1. Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật công chứng được đăng ký tập sự hành nghề công chứng.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng:

a) Đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm do cố ý;

c) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức bị buộc thôi việc;

e) Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách của Đoàn luật sư, bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư.

Điều 4. Nhận tập sự hành nghề công chứng

1. Người muốn tập sự hành nghề công chứng lựa chọn và thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng về việc tập sự tại tổ chức đó. Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự cấp Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề công chứng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu TP-TSCC-01) và cử công chứng viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này hướng dẫn người muốn tập sự hành nghề công chứng.

Người muốn tập sự hành nghề công chứng và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự có thể ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Trong trường hợp người muốn tập sự không tự liên hệ tập sự thì có thể đề nghị Sở Tư pháp nơi người đó muốn tập sự bố trí tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị bố trí tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02), Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng nhận người muốn tập sự vào tập sự và thông báo cho người đó bằng văn bản; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này.

Điều 5. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

1. Việc đăng ký tập sự được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Hồ sơ đăng ký tập sự gồm có:

- a) Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03);
- b) Giấy xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng về việc nhận tập sự hoặc hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng và ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là Danh sách người tập sự) của Sở Tư pháp; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng, Sở Tư pháp gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng tải Danh sách người tập sự trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, đồng thời gửi Danh sách đó cho Bộ Tư pháp để lập Danh sách người tập sự trong toàn quốc.

3. Người được ghi tên vào Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp được gọi là người tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là người tập sự). Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Thời gian tập sự hành nghề công chứng

1. Thời gian tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là thời gian tập sự) là mười hai tháng, kể từ ngày tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng.

2. Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề công chứng.

Tổng thời gian tập sự được tính khi người tập sự có thời gian tập sự tại mỗi tổ chức hành nghề công chứng ít nhất là bốn tháng và phải có nhận xét bằng văn bản của công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

3. Người tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng có thời gian tập sự từ một tháng đến dưới bốn tháng thì được tính thời gian này vào tổng thời gian tập sự nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Công chứng viên hướng dẫn tập sự chết hoặc vì lý do sức khỏe hoặc lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự;

c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này;

d) Công chứng viên hướng dẫn tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Điều 16 của Thông tư này;

đ) Người tập sự thay đổi nơi tập sự từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

Điều 7. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng

1. Người tập sự thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phải báo cáo bằng văn bản về việc thay đổi đó cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Báo cáo phải có nhận xét của công chứng viên hướng dẫn tập sự, xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự đã tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định về việc thay đổi nơi tập sự; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc thay đổi nơi tập sự, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự đã tập sự, tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến.

2. Người tập sự thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì phải có văn bản đề nghị rút tên khỏi danh Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp nơi mình đã đăng ký và làm thủ tục đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng mà mình chuyển đến theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Kèm theo hồ sơ đăng ký tập sự, người tập sự phải gửi báo cáo kết quả tập sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 của Thông tư này và quyết định của Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký trước đó về việc rút tên người đó khỏi Danh sách người tập sự.

Điều 8. Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng

1. Người tập sự có thể tạm ngừng việc tập sự sau khi thỏa thuận bằng văn bản với tổ chức hành nghề công chứng mà mình đang tập sự và phải báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

Thời gian tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng không quá ba tháng, trừ trường hợp có lý do chính đáng; trong trường hợp tạm ngừng việc tập sự hành nghề công chứng quá ba tháng mà không có lý do chính đáng thì người tập sự phải đăng ký lại việc tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Thời gian tạm ngừng việc tập sự không được tính vào thời gian tập sự hành nghề công chứng.

Thời gian tập sự trước khi tạm ngừng việc tập sự được tính vào tổng thời gian tập sự hành nghề công chứng, trừ trường hợp phải đăng ký lại việc tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

1. Người tập sự chấm dứt việc tập sự hành nghề công chứng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự chấm dứt việc tập sự;
- b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- c) Không còn thường trú tại Việt Nam;
- d) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- đ) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự, đồng thời xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp.

Quyết định chấm dứt tập sự được gửi cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và Bộ Tư pháp. Người bị chấm dứt tập sự có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này.

3. Người tập sự chấm dứt việc tập sự hành nghề công chứng được xem xét đăng ký lại việc tập sự khi đủ điều kiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây: